

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2018/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 05 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động và chế độ,
chính sách đối với Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BCA ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang phục chữa cháy của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐT BXH-BCA-BTC ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ

Công an và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy và cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khoá VIII - kỳ họp thứ 19 về việc Phê duyệt định mức hỗ trợ hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Công văn số 375/HĐND-VP ngày 03/11/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chí thành lập Đội dân phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Đội dân phòng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách
đối với Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Đội dân phòng và trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với Đội dân phòng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chức năng của Đội dân phòng

Đội dân phòng là đơn vị được thành lập theo Luật phòng cháy và chữa cháy có chức năng tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự ở nơi cư trú.

Chương II TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 4. Tổ chức của Đội dân phòng

1. Đội dân phòng được thành lập phải đảm bảo 03 tiêu chí sau:

- Khu tập trung đông người: Bệnh viện hoặc trường học hoặc chợ;
- Có từ 200 hộ dân sinh sống tập trung trở lên;
- Có từ 50 hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất trở lên.

2. Đội dân phòng có biên chế từ 10 người đến 20 người, trong đó có 01 Đội trưởng và 01 Đội phó; biên chế trên 20 người đến 30 người được biên chế thêm 01

Đội phó. Đội dân phòng có thể được chia thành các Tổ dân phòng; biên chế của Tổ dân phòng từ 05 đến 10 người, trong đó có 01 Tổ trưởng và 01 Tổ phó.

Điều 5. Hoạt động của Đội dân phòng

1. Đội dân phòng hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật và quy định này; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Đội dân phòng chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng; sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp xã.

3. Định kỳ hàng tháng, Đội dân phòng họp 01 lần để kiểm điểm rút kinh nghiệm công tác và triển khai nhiệm vụ công tác trong thời gian tới; khi cần thiết Đội trưởng Đội dân phòng có thể triệu tập họp đột xuất. Hàng năm có tổng kết, tổ chức phân loại chất lượng hoạt động của Đội dân phòng.

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn của Đội viên Đội dân phòng

1. Người tham gia vào Đội dân phòng phải đảm bảo các tiêu chuẩn:

a) Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, đủ sức khỏe, có đủ năng lực hành vi dân sự, tinh thần tự nguyện tham gia vào Đội dân phòng.

b) Có lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Đội trưởng, Đội phó và Đội viên Đội dân phòng là những người thường xuyên có mặt tại nơi cư trú.

2. Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải là người có khả năng tổ chức, điều hành hoạt động của Đội dân phòng, có uy tín, được Nhân dân trong ấp, khu phố và Đội viên tín nhiệm.

Điều 7. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy đối với lực lượng dân phòng

1. Đội dân phòng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ theo các nội dung sau:

a) Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự;

b) Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự ở nơi cư trú;

c) Biện pháp phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự ở nơi cư trú;

d) Phương án xây dựng và thực tập phương án; biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự;

đ) Phương pháp bảo quản, thao tác sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự;

e) Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

2. Nội dung, thời gian huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

3. Đội trưởng, Đội phó và Đội viên Đội dân phòng sau khi được huấn luyện, bồi dưỡng nếu đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ theo quy định.

Điều 8. Thẩm quyền thành lập, điều động Đội dân phòng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương quyết định thành lập Đội dân phòng; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân phòng.

2. Công an cấp xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Đội dân phòng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được điều động Đội dân phòng thuộc phạm vi, địa bàn mình quản lý.

Thủ tục điều động Đội dân phòng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Đội dân phòng khi được điều động tham gia tuyên truyền, mít tinh, diễu hành, hội thao về phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự; thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự; tham gia khắc phục hậu quả vụ cháy và những hoạt động khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

5. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo, tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự nơi cư trú đối với Đội dân phòng.

Chương III NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 9. Nhiệm vụ của Đội dân phòng

1. Thực hiện các mặt công tác về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự ở nơi cư trú theo quy định của pháp luật và của ngành Công an.

2. Tuyên truyền, vận động nhân dân, phổ biến kiến thức và kỹ năng về công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự ở cơ sở.

3. Phối hợp với lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự ở nơi cư trú.

4. Đề xuất việc ban hành các quy định, nội quy an toàn về phòng cháy, chữa cháy; xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy; tham gia chữa cháy khi có cháy xảy ra và ở địa phương khác khi được huy động.

5. Tham gia bảo vệ hiện trường, cứu giúp người bị nạn, bảo vệ an toàn tài sản của Nhân dân trong các vụ cháy, nổ và an ninh, trật tự nơi xảy ra cháy nổ.

Điều 10. Quyền hạn của Đội dân phòng

1. Đôn đốc, nhắc nhở Nhân dân trong khu vực thực hiện các quy định về phòng, chống cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự nơi xảy ra cháy nổ.

2. Được quyền sử dụng các công cụ, phương tiện đã được trang bị để đảm bảo an toàn trong công tác phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự ở nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo, đề xuất Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý các hành vi vi phạm các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự nơi xảy ra cháy nổ.

Điều 11. Trách nhiệm của Đội trưởng, Đội phó và Đội viên Đội dân phòng

1. Đội trưởng Đội dân phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy định này; chịu trách nhiệm trước Công an cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động của Đội dân phòng; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả công tác của Đội dân phòng theo quy định.

2. Đội phó Đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng Đội dân phòng và điều hành hoạt động của Đội dân phòng khi Đội trưởng đi vắng hoặc được ủy quyền.

3. Đội viên Đội dân phòng chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch công tác theo chỉ đạo của Đội trưởng Đội dân phòng.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Đội dân phòng

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Đội dân phòng.

Điều 13. Khen thưởng, kỷ luật

1. Tập thể, cá nhân Đội dân phòng có thành tích xuất sắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và bảo đảm an ninh, trật tự thì được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đội trưởng, Đội phó và các Đội viên Đội dân phòng có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, tước giấy chứng nhận đội viên, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 14. Định mức hỗ trợ hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng

1. Đội trưởng Đội dân phòng được hưởng định mức hỗ trợ hàng tháng bằng hệ số 0,3 mức lương cơ sở hiện hành.

2. Đội phó Đội dân phòng được hưởng định mức hỗ trợ hàng tháng bằng hệ số 0,25 mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 15. Chế độ, chính sách đối với lực lượng dân phòng

1. Cán bộ, Đội viên Đội dân phòng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, mỗi ngày được hưởng trợ cấp một khoản tiền bằng 1,5 ngày lương cơ sở.

2. Cán bộ, Đội viên Đội dân phòng khi được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo lệnh triệu tập, huy động của người có thẩm quyền thì được hưởng chế độ như sau:

a) Nếu thời gian dưới 02 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,5 ngày lương cơ sở.

b) Nếu thời gian từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,75 ngày lương cơ sở.

c) Nếu thời gian từ 04 giờ trở lên hoặc nhiều ngày thì cứ 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 01 ngày lương cơ sở. Nếu tham gia vào ban đêm từ 22 giờ đến 06 giờ sáng thì được tính gấp 02 lần theo cách tính trên.

d) Trường hợp bị tai nạn, bị thương được thanh toán tiền khám bệnh, chữa bệnh; bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa thì được xét trợ cấp tùy theo mức độ suy giảm khả năng lao động; bị chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí... Những khoản chi chế độ nêu trên do

tổ chức bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế chi trả theo quy định; nếu người đó chưa tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội thì do ngân sách nhà nước bảo đảm.

đ) Trường hợp bị thương thuộc một trong các trường hợp quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xét hưởng chính sách thương binh hoặc như bệnh binh.

e) Trường hợp bị chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xét công nhận là liệt sỹ.

Điều 16. Nơi làm việc và trang bị của Đội dân phòng

1. Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí nơi làm việc và sinh hoạt của Đội dân phòng cho phù hợp, đảm bảo cho Đội dân phòng hoạt động hiệu quả.

2. Trang phục và công cụ chữa cháy

Đội dân phòng được trang bị: Quần, áo, mũ, ủng, găng tay, khẩu trang chữa cháy và các công cụ phương tiện chữa cháy theo quy định của pháp luật. Số lượng trang phục và công cụ chữa cháy trang bị cho Đội dân phòng tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương mà đề xuất trang bị cho phù hợp.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Đội dân phòng thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này; chỉ đạo Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các đơn vị trực thuộc thường xuyên tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự đối với Đội dân phòng.

2. Tham mưu, đề xuất tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của Đội dân phòng để rút kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến nhằm động viên, khen thưởng những cá nhân, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Đội dân phòng.

3. Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và an ninh, trật tự cho Đội dân phòng.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công an tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí nhằm đảm bảo việc thực hiện các chế độ, chính sách, trang bị công cụ, phương tiện, trang phục chữa cháy cho Đội dân phòng.

2. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan hướng dẫn việc sử dụng, thanh quyết toán các nguồn kinh phí được sử dụng để đảm bảo hoạt động của Đội dân phòng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi, nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Đội dân phòng, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng.

2. Hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách cho Đội dân phòng gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quy chế hoạt động, xem xét, bố trí nơi làm việc; đảm bảo kinh phí, trang bị công cụ, phương tiện và các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động của Đội dân phòng.

2. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến bằng văn bản gửi đến Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Lâm